

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Năm báo cáo: 2009

ANNUAL REPORT

THANH CONG TEXTILE GARMENT INVESTMENT TRADING JC. CO.

In the year 2009

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/Company History

1. Những sự kiện quan trọng/Milestone:

- Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương mại - Thành Công (TCG) tiền thân là Hãng Tái Thành Kỹ nghệ Dệt được thành lập năm 1967.
- *The precursor of Thanh Cong Textile Garment Investment Trading JC. Co. (TCG) is Tai Thanh Textile Firm which was established in 1967.*
- Tháng 08/1976 công ty được chuyển thành Xí nghiệp quốc doanh với tên gọi Nhà máy Dệt Tái Thành, sau đó lần lượt được đổi tên thành Nhà máy Dệt Thành Công, Công ty Dệt Thành Công và đến năm 2000 là Công Ty Dệt May Thành Công.
- *On August, 1976 it was changed into state-owned enterprise under the name Tai Thanh Textile Factory, then the name was changed into Thanh Cong Textile Factory, Thanh Cong Textile Company and Thanh Cong Textile Garment Company in 2000.*
- Tháng 07/2006 công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần Dệt May Thành Công.
- *On July, 2006 it was privatized under the name Thanh Cong Textile Garment Joint Stock Company.*
- Tháng 10/2007, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
- *On October, 2007 Thanh Cong's share was approved to list officially on Ho Chi Minh city Stock Exchange (HOSE)*
- Tháng 5/ 2008, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Dệt May Đầu tư Thương mại - Thành Công.
- *On May, 2008 Company name was changed into Thanh Cong Textile Garment Investment Trading Joint Stock Company*
- Trong hơn 40 năm hoạt động, công ty đã đạt được nhiều phần thưởng cao quý như Đơn vị Anh hùng lao động thời đổi mới (năm 2000), Huân chương lao động hạng ba (năm 1981), hạng nhì (năm 1984), hạng nhất (năm 1986); Huân chương Độc lập hạng ba (năm 1992), hạng nhì (năm 1996), hạng nhất (năm 2006); Liên tục là Doanh nghiệp sản xuất hàng Việt Nam Chất lượng cao, Doanh nghiệp tiêu biểu, Thương hiệu mạnh, các chứng chỉ ISO 9001:2001 (năm 2001), SA 8000 (năm 2002).
- *For more than 40 years of operation, Company has achieved many awards such as The title of Hero of Labor in 2000, Third-class Labor Medal in 1981, second-class in 1984, first-class in 1986; Third-Class Independent Medal in 1992, second-class in 1996, first-class in 2006; "High Quality Vietnamese Product", strong Trademarks, "Best-*

Performing Textile & Garment Enterprises of Vietnam", the ISO certificate 9001:2001 (2001), SA 8000 (2002)

2. Quá trình phát triển/*Growth Path*

2.1. Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ các hóa chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì;
- *Productions, business, exports, imports of cottons, fiber, threads, cloths, garments, footwear and machines, equipment, parts, auxiliary and raw materials, materials, chemicals (except poisonous chemicals), dyes, packing*
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh, thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải; dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị; dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- *Business, exports, imports freezing equipments, air-conditions, radios, televisions, construction materials, transport vehicles; service of installation, repair of machines and equipment; road transport services;*
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại; môi giới thương mại; Ủy thác mua bán hàng hóa; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc thiết bị;
- *Business in real estate, trading center; trading agent services; business mandates services; trading and consignment agent services; rental of office, shop, warehouse, machine, equipment;*
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch;
- *Investment, construction, business, installation, repairment, founding estimate for civil and industrial projects, infrastructure of industrial zone, tourism zone;*
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.
- *The other business in accordance with the Laws.*

2.2. Tình hình hoạt động/*Company activities*

a. Hệ thống Nhà Máy Sợi/*Spinning Factory*

- Năng lực sản xuất : 20.000 tấn/năm với tổng số 04 nhà máy.
- *Capacity: 20,000 tons/year with 4 factories totally.*
- Nhà máy Sợi 1: 2.500 tấn/năm
- *Spinning Factory no.1: 2,500 tons/year*
- Nhà máy Sợi 2: 6.500 tấn/năm
- *Spinning Factory no.2: 6,500 tons/year*
- Nhà máy Sợi 3: 4.500 tấn/năm
- *Spinning Factory no.3: 4,500 tons/year*
- Nhà máy Sợi 4: 7.500 tấn/năm
- *Spinning Factory no.4: 7,500 tons/year*
- Sản phẩm: 100% cotton, Polyester, Visco, Sợi tổng hợp TC, CVC, TR...chi số từ Ne 20 đến Ne 60, và sợi OE.
- *Products: 100% cotton, Polyester, Visco, TC, CVC, TR etc with Ne 20 - 60 and OE yarn.*

b. Hệ thống nhà máy Dệt/*Weaving Factory*

- Năng lực sản xuất : 7 triệu mét/năm
 - *Capacity: 7 million meters/year*
 - Sản phẩm: Các loại vải vân điểm, chéo, sọc, caro từ sợi polyester, polyester pha, sợi micro, sợi filament, sợi xơ ngắn, sợi màu, sử dụng để may quần, áo, váy, jacket ...
 - *Products: kinds of fabric plain, twill, striped, checked etc with materials from yarn polyester, polyester mix, micro, filament, short fiber, color fiber and used for clothes, skirt, jacket etc.*
- c. Hệ thống nhà máy Đan/*Knitting Factory*
- Năng lực sản xuất : 7.000 tấn/năm
 - *Capacity: 7,000 tons/year*
 - Sản phẩm: Các loại vải và cổ, bo single jersey, piqué, interlock, rib, fleece, trơn và sọc từ sợi cotton, PE, TC, CVC, Viscose, melange, trên các máy đan 18G, 20G, 24G,
 - *Products: knitting fabrics, collar, cuff single jersey, piqué, interlock, rib, fleece, plain and striped with materials from yarn cotton, PE, TC, CVC, Viscose, melange on knitting machine 18G, 20G, 24G.*
- d. Hệ thống nhà máy Nhuộm/*Dyeing Factory*
- Năng lực sản xuất : 10 triệu mét vải, 8.000 tấn sợi/năm
 - *Capacity: 10 million meters fabric, 8,000 tons yarn/year*
 - Sản phẩm: Các loại vải dệt, vải đan, sợi đã được nhuộm và hoàn tất
 - *Products: weaving fabrics, knitting fabrics, yarn were dyed and finished.*
- e. Hệ thống nhà máy May/*Sewing Factory*
- Năng lực sản xuất : 20 triệu sản phẩm/năm
 - *Capacity: 20 million pieces/year*
 - Sản phẩm: Polo shirts, T-shirts, quần áo thể thao, quần áo lót, quần áo mặc nhà, hàng quà tặng, hàng đồng phục
 - *Products: Polo shirts, T-shirts, sports, under wear, indoor clothes, gift, uniform etc*

3. Định hướng phát triển/*The orientation of development*

3.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty: nhằm huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh về sản phẩm dệt, may mặc và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng cổ tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty.

Objectives of Company operation is mobilizing and using effective capital in manufacturing and business of textile, garment products and the other business lines in order to get maximum profits; creation of employments; increase of dividends for Shareholders; contribution of national budget and development of the Company.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tập trung các nguồn lực để phát triển ngành nghề truyền thống: dệt – may về chất lượng sản phẩm, công nghệ sản xuất và dịch vụ khách hàng, đồng thời tối ưu hóa quỹ đất thuộc quyền khai thác, quản lý của Công ty.

To concentrate on all Company resources to develop traditional field: textile – garment regarding quality, technology and customer service etc, and optimize the land under legally management, development of Company.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (Lấy theo báo cáo tài chính hợp nhất)/*Key figures of business performance in the year (according to consolidated financial statements)*

- Doanh thu thuần: 1.126.093.301.070 đạt 94% so với kế hoạch năm 2009.
- *Net revenue VND 1,126,093,301,070 was reached 94% compared with the plan 2009.*
- Lợi nhuận sau thuế: 47.411.292.468 đạt 79% so với kế hoạch 2009
- *The profit after tax VND 47,411,292,468 was reached 79% compared with the plan 2009*
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ VND 45.212.595.624 đạt 108 % so với kế hoạch 2009
- *Profit after tax of the parent company was reached 108% compared with the plan 2009*

Kết quả thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ 2009/*Performance of Company activities according to GSM's Resolution 2009:*

STT No	Chỉ tiêu Item	Thực hiện năm 2009 Performance	Kế hoạch năm 2009 Plan	Thực tế so với kế hoạch Comparison
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net sales</i>	1.126.093.301.070	1.200.000.000.000	94%
2	Doanh thu (thu nhập) tài chính và doanh thu khác <i>Financial and other income</i>	91.926.573.595	123.000.000.000	75%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN <i>Total profit before tax</i>	60.735.007.945	66.000.000.000	92%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Total profit after tax</i>	47.411.292.868	60.000.000.000	79%
5	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ <i>Total profit after tax of mother company</i>	45.212.595.624	42.000.000.000	108%

Tổng nguồn vốn cuối năm đạt 1.705.543.443.481 đồng trong đó vốn chủ sở hữu là 525,246,936,066 đồng chiếm khoảng 31% tổng nguồn vốn. Trong năm 2009 công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 241.839.200.000 đồng lên 434.382.430.000 đồng như hiện nay.

At the end of year, total liabilities and owner's equity was 1,705,659,157,125 VND of which the owner's equity occupied about 31% of total liabilities and owner's equity. In 2009, the company increased the charter capital from VND 241,839,200,000 to VND 434,382,430,000 as the present

1.1. Đề xuất về cổ tức năm 2009/*Proposal on dividend in the year 2009.*

Theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2009 thì mức cổ tức là 10% bằng tiền mặt. Tuy nhiên, căn cứ số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán thì lợi nhuận của Công ty năm 2009 đạt **45,212,595,624 đồng**. Sau khi trừ đi các nghĩa vụ của Công ty theo qui định pháp luật và trích

lập Quỹ theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2009 thì Công ty đã không còn nguồn để chi trả 5% cổ tức còn lại của năm 2009.

Based on GSM's Resolution 2009, the ratio of dividend 2009 is 10% in cash. However, according to Auditted Financial Statement, profit in the year 2009 is 45,212,595,624 VND. After deduction of financial duty under the laws and extract Funds under GSM's Resolution 2009, Company do not have any resource for payment remain 5% dividend in 2009.

Chi tiết xin xem bảng đính kèm

Please view details in table below:

Stt No.	Khoản mục/Items	Giá trị/Value (VND)
1	Profit on Consolidated P/L of mother company <i>Lợi nhuận trên Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty mẹ</i>	45,212,595,624
2	Accumulated Good will of investment <i>Lợi thế thương mại tích lũy của việc đầu tư</i>	(5,941,602,356)
3	Accumulated loss of Thanh Chau <i>Lỗ tích lũy của Thành Châu</i>	(2,351,446,744)
4	Accumulated loss of Thanh Cong Clinic <i>Lỗ tích lũy của PKĐK Thành Công</i>	(2,050,784,400)
5	Thanh Chi moved retained profit to Investment fund 66%, Payable dividend, Bonus fund) <i>Thành Chí dịch chuyển lợi nhuận giữ lại vào Quỹ đầu tư 66%, Cổ tức phải trả, Quỹ thưởng</i>	(7,948,114,660)
6	Minor shareholder in 2008 <i>Cổ đông thiểu số năm 2008</i>	(2,137,536,906)
7	Minor shareholder in 2007 <i>Cổ đông thiểu số năm 2007</i>	<u>(1,461,057,764)</u>
8	Retain Profit in Balance sheet <i>Lợi nhuận giữ lại trên Bảng cân đối kế toán</i>	23,322,052,796
9	Advance payment of Dividend (5%) <i>Ứng trước 5% cổ tức</i>	21,668,896,500
10	Extraction funds (Financial Fund, Investment fund, welfare fund)(~7.1%) <i>Trích lập Quỹ (dự phòng tài chính, đầu tư phát triển, khen thưởng) 7.1%</i>	1,653,156,296
11	Balance <i>Số còn lại</i>	-

*** Đề xuất/Proposal:**

- Tỷ lệ cổ tức năm 2009 là 5% bằng tiền mặt. Công ty đã thanh toán xong.
- *Ratio of dividend 2009 is 5% by cash. Company already paid.*
- Để bù đắp phần nào lợi ích cho cổ đông, Công ty sẽ trả cổ phiếu thưởng năm 2009 với tỷ lệ 3% (100 cổ phiếu được nhận 3 cổ phiếu). Nguồn: Quỹ đầu tư phát triển.
- *To compensate for benefit of shareholders partly, Company will pay bonus share with ratio 3% (100 shares will be paid 3 shares) from Investment Development Fund.*
- Giao HĐQT tiến hành các thủ tục phát hành, niêm yết số lượng cổ phiếu thưởng này.
- *Assign BoM to make procedures relate to issue, list this bonus share amount.*

2. Tình hình thực hiện 2009 so với thực hiện năm 2008 (tình hình tài chính và lợi nhuận so với năm trước)/*Performance in the year 2009 compared with the performance in the year 2008(financial statues and profit compared with last year)*

(Đvt: Vnd)/(Unit: VND)				
STT No	Chỉ tiêu Item	Thực hiện năm 2009 Performance in 2009	Thực hiện năm 2008 Performance in 2008	So sánh thực tế 2009/2008 Comparation
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net sales</i>	1.126.093.301.070	1.023.284.428.358	110%
2	Doanh thu (thu nhập) tài chính và doanh thu khác <i>Financial and other income</i>	91.926.573.595	48.656.715.790	189%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN <i>Total profit before tax</i>	60.735.007.945	6.829.922.269	889%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Total profit after tax</i>	47.411.292.868	5.036.425.463	941%
5	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ <i>Total profit after tax of mother company</i>	45.212.595.624	2.898.888.557	1560%

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2009 vượt năm trước 10%; lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ vượt năm trước 1.460%, điều này cho thấy công ty mẹ hoạt động hiệu quả, mặc dù trong năm 2009 là năm suy thoái kinh tế toàn cầu, Việt Nam nói chung và Công ty Thành Công nói riêng cũng bị ảnh hưởng về thị phần xuất khẩu ở các nước Mỹ, Nhật bản, và Châu Âu. Bên cạnh đó, Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN của cả tập đoàn Thành Công thấp hơn so với kế hoạch đề ra 21%, điều này cho thấy hoạt động từ các công ty con trong năm 2009 chưa có hiệu quả.

In the year, Net sales have been over 10% compared with last year and profit after tax of the parent company has been over 1,460% compared with last year. It showed that the business activities of the parent company have been efficient. Although, in the year 2009 the global economics has been recession, Viet Nam in general and Thanh Cong Company in specially has been affected in the export market share to the USA, Japan and Europe. Besides, the profit after tax of the Thanh Cong group was lower 21% than the plan. It showed that the business activities of the subsidiaries were not efficient.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm/*Major changes in the year*

- Tháng 2 năm 2009, Nhà máy sợi 4 với 60.000 cọc đã hoàn thành đưa vào sử dụng với công suất tăng từ 67 tấn/ tháng lên 800 tấn/tháng

- *In February, 2009, the spinning factory with 60,000 skeins was completed and used. Its productivity had increased from 67 tons per month to 800 tons per month*
- Tháng 3 năm 2009 và tháng 11 Năm 2009 đã phát hành hai đợt cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược E-Land Asian Holdings Singapore, tăng vốn điều lệ công ty lên 434 tỷ đồng.
- *In March 2009 and November 2009, the company issued 2 times of the separate issuance to the strategic partner who is E-Land Asian Holdings Singapore. The company completed the issuance and increased the charter capital to VND 434 billion.*
- Theo định hướng chiến lược trên cơ sở duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống Dệt may, bên cạnh đó Công ty đang tập trung phát triển hệ thống bán lẻ và phát triển các dự án Bất động sản như sau:
- *As the orientation of strategy based on maintenance and development the traditional business of textile Garment, in additional, Company is focusing on development of retail system and on the real estates as the following:*
 - * Thành Công tower 1 : 9.898 m2
Địa điểm : Phường Tây Thạnh – Quận Tân phú
Thời gian dự tính cho dự án : khoảng 24 tháng
Loại hình phát triển : Khu dân cư
 - * Thanh Cong tower 1 : 9,898 m2
Location : Tay Thanh ward – Tan Phu District
Estimated duartion : 24 months
Type of development : Resident zone
 - * Dự án TC3 : 13.178 m2 dự án
Địa điểm : Quận 4
Thời gian dự tính cho dự án : khoảng 24 tháng
Loại hình phát triển : Khu dân cư và thương mại
 - * TC3 : 13,178 m2
Location : District 4
Estimated duartion : 24 months
Type of development : Resident and commercial zone

4. Kế hoạch năm 2010/2010 plan

4.1. Kế hoạch kinh doanh/Business plan

Với mục tiêu tiếp tục duy trì những khách hàng truyền thống, đồng thời phát triển khách hàng mới ở thị trường Nhật, Công ty đã có kế hoạch nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng sản xuất, đặc biệt đối với Xưởng Sợi 3,4. Bên cạnh đó, với việc xác định thị trường nội địa có nhiều tiềm năng, Công ty đang triển khai kế hoạch tập trung vào thị trường này. Năm 2010, kế hoạch kinh doanh cụ thể như sau:

With the main purpose is to keep old customers and find new customers in Japan simultaneously, Company had plan to improve quality of products, increase quantity of production, especially for Spinning factory no.3 and no.4. Besides, with potentialities from domestic market, Company is going to focus on it. Business plan in 2010 as follows:

- Doanh thu thuần - *Net sales*: 1,299,130,200,000 VND
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - *Operating Income*: 189,216,324,808 VND
- Lợi nhuận trước thuế - *Profit before Tax*: 124,198,931,776 VND
- Lợi nhuận sau thuế - *Profit after tax*: 108,674,065,304 VND

4.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận/*Profit distribution plan*

Stt	Khoản mục- <i>Items</i>	Giá trị - <i>Value(VNĐ)</i>	Tỷ lệ trích- <i>Ratio</i>
I	Lợi nhuận phân phối- <i>Retained profit</i>	92,725,547,867	
II	Trích lập quỹ- <i>Fund extraction</i>	24,108,642,445	26%
1	Quỹ dự phòng tài chính- <i>Reserved financial fund</i>	6,490,788,351	7%
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi- <i>Welfare and Bonus fund</i>	6,490,788,351	7%
3	Quỹ đầu tư phát triển- <i>Investment and development fund</i>	6,490,788,351	7%
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ - <i>Additional reserve fund of charter capital</i>	4,636,277,393	5%
III	Cổ tức được chia - <i>Distribution of dividend</i>	68,616,905,422	74%
IV	Tỷ lệ cổ tức dự kiến chia / vốn điều lệ <i>Estimated ratio dividend/charter capital</i>	15%	

- Dự kiến vốn điều lệ đến 31/12/2010-*Estimated Charter capital until 31/12/2010*: 447.413.902.000 đồng.
- Hình thức chi trả cổ tức : Dự kiến năm 2010 Công Ty chia cổ tức với hình thức tiền mặt: cơ cấu, cách thức sẽ do HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình thực tế.
- *Payment method: in 2010, estimated dividend will be paid in Cash. Organization, time of payment will be decided by BoM based on the real statues*

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC/*Report of Board of Director*

1. Báo cáo tình hình tài chính (số liệu hợp nhất)/*Financial statement (Consolidated figures)*

1.1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn/*Asset / Liabilities and owner's equity*

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	2009	2008
Cơ cấu tài sản- <i>Asset</i>			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản <i>Long-term assets/Total assets</i>	%	61,45	60,88
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản <i>Current assets/ Total assets</i>	%	38,55	39,12
Cơ cấu nguồn vốn-<i>Liabilities and owner's equity</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn <i>Current liabilities/ Total assets</i>	%	67,06	71,12
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn <i>Owner's equity/ Total assets</i>	%	30,80	26,44
- Lợi ích của cổ đông thiểu số/Tổng nguồn vốn <i>Minority shareholder's benefit/Total assets</i>	%	2,14	2,44

1.2. Khả năng sinh lời/*Profitability*:

Chỉ tiêu - <i>Item</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	2009	2008	Tăng (giảm) <i>Increas/(decrease)</i>
Lợi nhuận trước thuế trên doanh thu <i>Profit before tax / revenue</i>	%	5,39%	0,67%	4,72%
Lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản <i>Profit before tax / total assets</i>	%	3,56%	0,52%	3,04%
Lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Profit before tax / owner's equity</i>	%	11,56%	1,98%	9,58%

Các chỉ số sinh lợi trong năm 2009 đều tăng so với 2008.

Profitability ratios increased in comparison with 2008

1.3. Khả năng thanh toán/*Liquidity*:

Chỉ tiêu- <i>Item</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	2009	2008	Tăng (giảm) <i>Increas/(decrease)</i>
Khả năng thanh toán hiện hành <i>Current ratio</i>	Lần <i>Time</i>	0,94	0,81	0,13
Khả năng thanh toán nhanh <i>Quick ratio</i>	Lần <i>Time</i>	0,60	0,56	0,04
Khả năng thanh toán nhanh (tiền) <i>Quick ratio(cash)</i>	Lần <i>Time</i>	0,20	0,14	0,06

Các chỉ số về khả năng thanh toán trong năm 2009 đều tăng so với năm 2008 cho thấy tính thanh khoản được cải thiện.

In 2009, the indicates in the liquidity has improved in comparison with indicates in the year 2008.

2. Giá trị cổ phiếu/*Share's value*: Giá trị sổ sách của cổ phiếu 12.120/*The book value per share is 12,120*

3. Những thay đổi của cổ đông/*Changes in shareholders*

- Ngày 18/3/2009 hội đồng quản trị công ty Thành Công ký hợp đồng phát hành hơn 10,3 triệu cổ phiếu cho Eland với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu, chiếm 30% vốn điều lệ. Eland là tập đoàn giữ vị trí hàng đầu về thời trang và bán lẻ tại Hàn Quốc. Khi hợp tác với Eland, với năng lực quản lý, thương hiệu và hệ thống phân phối mạnh, tiềm lực tài chính vững chắc, Eland sẽ giúp Thành Công tái cấu trúc lại hoạt động, nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ quản lý trung gian qua các chương trình đào tạo. Phía Eland nhắm tới hoàn tất hệ thống kinh doanh thời trang theo chiều dọc với các nguồn sản xuất sản phẩm dệt may.

- On 18th March 2009, the Thanh Cong's BoM has signed the contract about issuance over 10.3 million shares to E-land at the price of 10,000 VND per share which occupied by 30% of charter capital. E-land is top company in fashion and retail in Korea. With the management ability, trade mark and strong retail system as well as sound financial potential, Eland will help Thanh Cong in restructure in the business activity, improve the management abilities of the intermediate management team through training program. Eland aims to complete the vertical fashion business system with the textile and garment producing sources.
- Ngày 9/11/2009, công ty đã phát hành thêm 6 triệu cổ phiếu TCM cho đối tác chiến lược là Công ty E-Land Asia Holdings (Singapore) thuộc Tập đoàn E-Land (Korea). Đợt phát hành này thực hiện theo hình thức phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2009. Theo đó Công ty đã hoàn tất việc phát hành và tăng vốn điều lệ từ hơn 374 tỷ lên hơn 434 tỷ (tương đương 37,7% vốn điều lệ Công ty. Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành sẽ được bổ sung vào vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh, giúp TCM chủ động nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.
- On 9 September 2009, the company has issued 6 million shares to the strategic partner who is The E-Land Asia Holdings company (Singapore) belonged to The E-Land group (Korea). The separate issuance was implemented under the GSM's resolution No. 04/2009/NQ-ĐHĐCĐ dated 25/4/2009. The company completed the issue and increased charter capital from over VND 374 billion to VND 434 Billion (equivalent 37.7% the company's charter capital). The capital received from the issue will be supplemented to the working capital for serving the production and business and helping TCM to be active in the improvement of business in coming years.

4. Thống kê cổ phiếu/Share statistics

Stt No.	Cổ phiếu/Share	2009	2008
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành <i>Number of Register Issuance shares</i>	43.438.243	24.183.920
	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Number of shares sold in public</i>	43.438.243	24.183.920
2	2.1. Cổ phiếu phổ thông-Common shares	43.438.243	24.183.920
	2.2. Cổ phiếu ưu đãi- Preferential shares	0	0
	Số lượng cổ phiếu được mua lại <i>Number of repurchased shares</i>	100.450	100.450
3	3.1. Cổ phiếu phổ thông-Common shares	100.450	100.450
	3.2. Cổ phiếu ưu đãi- Preferential shares	0	0
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Number of outstanding shares</i>	43.337.793	24.083.470
4	4.1. Cổ phiếu phổ thông-Common shares	43.337.793	24.083.470
	4.2. Cổ phiếu ưu đãi- Preferential shares		

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được/*Achievement*

3.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Regarding structure, policy, management*

- Bố trí lại nhân sự và phân công công việc phù hợp với năng lực để phát triển tối đa khả năng.
- *Arrangement and assignment in accordance with capacity to develop ability in the proper way.*
- Tăng cường giao quyền đối với cán bộ quản lý nhằm tạo sự chủ động trong giải quyết công việc, nâng cao ý thức trách nhiệm.
- *To increase authorization managers to make proactive in handling job, improve the sense of responsibility*
- Tăng cường đào tạo kiến thức tài chính, quản trị cho cán bộ quản lý nhằm cải tiến cách thức làm việc phù hợp định hướng phát triển của Công ty.
- *Increase training knowledge of financial, management for managers to improve working methods appropriate orientation of the company*
- Tăng cường hợp tác để phát triển kỹ thuật sản xuất, mời các chuyên gia nước ngoài đánh giá và góp ý cải tiến cách thức quản lý sản xuất nhằm nâng cao sản lượng sản xuất.
- *Cooperation to develop production technologies, to invite foreign experts evaluate and make suggestions to improve production management methods to enhance production.*

3.2. Các biện pháp kiểm soát/*The control methods*

- Công ty đã áp dụng công cụ Thẻ cân bằng điểm (BSC) để xây dựng kế hoạch cho Công ty cũng như từng Đơn vị
- *Company has applied the Balance score card (BSC) to make plans for the company as well as each unit*
- Ứng dụng hệ thống phần mềm ERP để minh bạch hóa các báo cáo tài chính cũng như giảm thiểu thời gian thực hiện các báo cáo liên quan đến Kế toán và kho.
- *Application ERP system for transparent financial statement as well as reduce the time taken reports relate to accounting and inventory*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plan*

- Tập trung để mở rộng khách hàng xuất khẩu, tăng tỉ lệ hàng FOB lên 85% so với CMPT là 15%
- *Focus on export customers more, increase FOB rate to 85% compared with 15% CMPT*
- Phát triển thị trường nội địa thương hiệu TCM thông qua các kênh phân phối như hệ thống siêu thị, mở thêm cửa hàng ở các thành phố lớn
- *Development of local market - brand TCM through distribution channels such as supermarkets, open more stores in major cities*
- Liên tục cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm
- *To improve quality continuously*
- Giảm thiểu thời gian phát triển sản phẩm mới
- *Reduce time of development new products.*
- Đầu tư máy chải kỹ cho nhà máy sợi 4 để tăng sản lượng sợi CM
- *To Invest Comb machine in Spinning Factory No.4 to increase quantity of CM yarn*
- Tìm kiếm đối tác để phát triển các dự án BĐS
- *Invite investors to develop real estate projects*

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/*Financial Statement* : Xin xem phụ lục đính kèm (*please see the attached annex*)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN/*Notes of financial statement and auditing report*

1. Kiểm toán độc lập-*Independent auditing*

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)
- Trụ sở : 229 Đồng Khởi – Quận 1-Tp. HCM
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

In our opinion, the consolidated financial statements referred to above give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial statement as of 31 December 2009, the consolidated business results and the consolidated cash flows for the fiscal year then ended of Thanh Cong Textile Garment Investment Trading Joint Stock Company in conformity with the prevailing Vietnamese accounting system and standards as well as other related regulations

- Các nhận xét đặc biệt-*Comments*.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất đến:

Như đã trình bày tại thuyết minh VIII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Việc thay đổi chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 9.943.603.214 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí như những năm trước.

Without qualifying our opinion above, we would like to draw the attention of the readers of these financial statements to Note VIII.3 of the Notes to the consolidated Financial Statements regarding the changes in the company's accounting policy related to the treatment for the differences on foreign exchange due to the revaluation of the balances in foreign currencies of monetary items. This has led to the fact that the exchange difference of totally VND 9,943,603,214 due to the revaluation of the ending balances in foreign currencies of cash and current liabilities is reflected in the balance sheet (i.e. in the item "Foreign Exchange Differences") instead of being included in the company's income or expenses as the company did in the previous years.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần phòng khám đa khoa Thành Công chưa bao gồm lợi nhuận kinh doanh từ Nhà thuốc đa khoa Thành Công.

The financial statement for the fiscal year ended as at 31 December, 2009 of Thanh Cong Clinic has not been included yet the profit from the business of pharmacy of Thanh Cong Clinic.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN - *relative companies* :

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: không
- *Companies that holds more than 50% contributed capital of Thanh Cong: None*

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ: 4 công ty
 - *Companies that Thanh Cong holds more than 50% contributed capital: 4 companies*
- 1. Công ty cổ phần Thành Chí- *Thanh Chi joint stock company***
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng, trong đó công ty đầu tư vào cổ phiếu 20.602.990.000 đồng (2.081.900 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu – tỉ lệ góp vốn 69,4%)
 - *Charter capital: VND 30,000,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 20,602,990,000 (2,081,900 shares; par value VND 10,000/ share-ratio of contributed capital 69.4%)*
 - Doanh thu thuần năm 2009-*Net sales* : 30.200.248.465 đồng
 - Lợi nhuận sau thuế- *Profit after tax* : 11.373.287.203 đồng
- 2. Công ty cổ phần Slico - *Slico joint stock company*:**
- Vốn chủ sở hữu: 35.000.000.000 đồng. Trong đó công ty đầu tư vào cổ phiếu 44.521.351.185 đồng (2.450.000 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu – tỉ lệ góp vốn 70%)
 - *Owner's equity: VND 35,000,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 44,521,351,185 (2,450,000 shares; par value VND 10,000/ share-ratio of contributed capital 70%)*
 - Hiện công ty chưa chính thức đi vào hoạt động SXKD vì đang ổn định lại nguồn lực để phát triển lâu dài.
 - *In the present, the company hasn't run business yet because of stabilizing resources to develop in the long-term.*
- 3. Công ty cổ phần Thành Tân Tiến- *Thanh Tan Tien joint stock company*:**
- Vốn điều lệ: 29.250.000.000 đồng, trong đó Công ty đã góp vốn 5.265.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ 60,69%.
 - *Charter capital: VND 29,250,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 5,265,000,000 to be equivalent 60.69%*
 - Doanh thu thuần năm 2009-*Net sales* : 27.536.565.473 đồng
 - Lợi nhuận sau thuế-*Profit after tax* : 19.366.866 đồng
- 4. Công ty cổ phần Phòng Khám Đa Khoa Thành Công- *Thanh Cong General Clinic joint stock company***
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng; Công ty đã góp vốn 8.495.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 56,63%
 - *Charter capital: VND 15,000,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 8,495,000,000 to be equivalent 56.63%*
 - Doanh thu thuần năm 2009-*Net sales* : 10.164.047.656 đồng
 - Lợi nhuận sau thuế-*Profit after tax* : (2.972.427.380) đồng

VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ/Company Organization

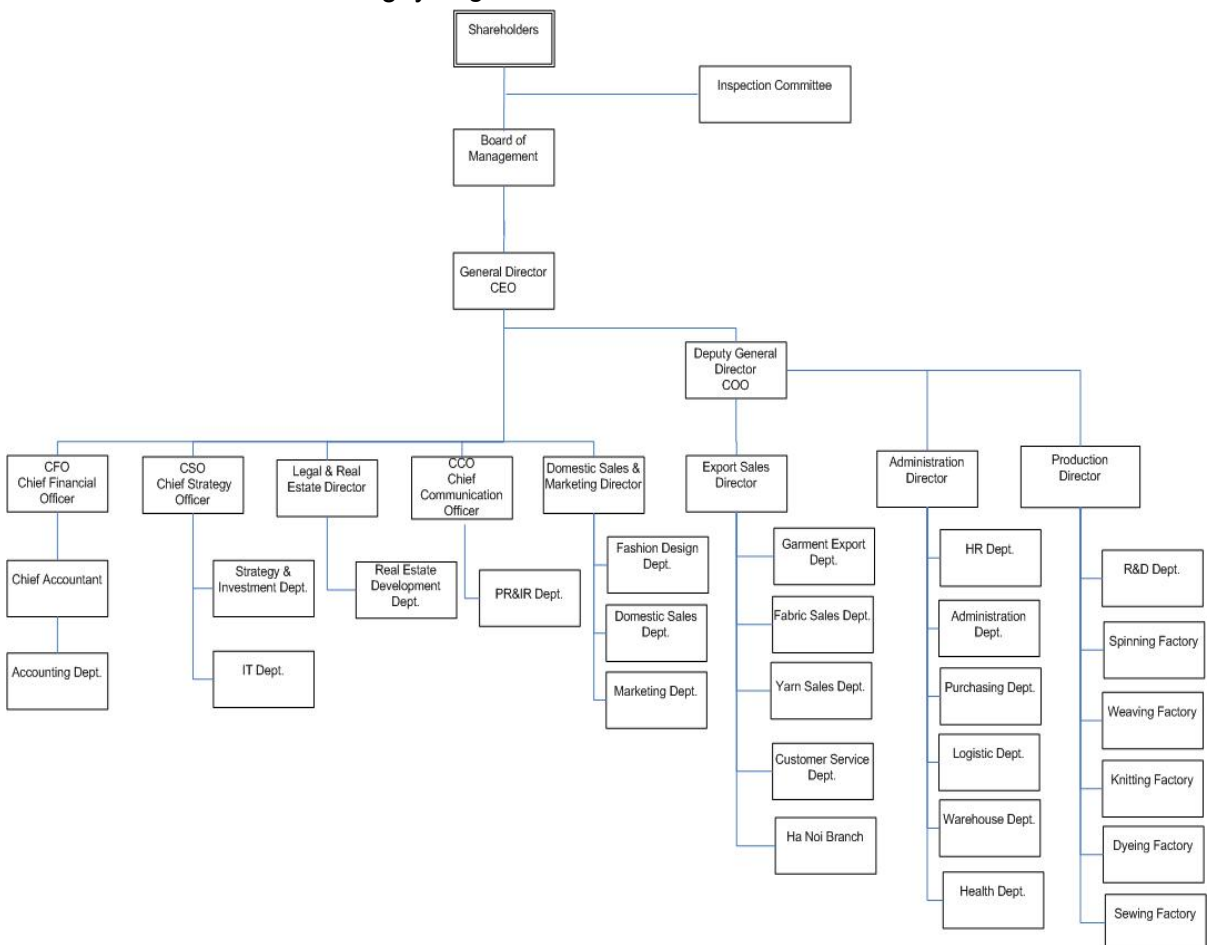
1. Cơ cấu tổ chức/Structure:

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

Company is operated as a model of joint stock company under Enterprises Law and other related laws:

- Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- *General Shareholder's Meeting: includes all shareholders have voting right, is the Company highest decision-making body.*
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- *The Board of Management (BoM) is the body with complete jurisdiction to execute all rights on behalf of the Company except for the ones under jurisdiction of the General Meeting of Shareholder.*
- Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- *The Board of Director (BoD) is the body which operates daily activities of Company and take responsibility with BoM regarding implementation of rights and duties were assigned.*
- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.
- *Inspection Committee (IC) is the body which supervise all business, management, operation of Company on behalf of the Shareholders.*

1.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty/Organization Chart



1.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban giám đốc

Resume of BoD's positions

a. Tổng giám đốc/*General Director*

Họ và tên
Full name: **LEE EUN HONG**

Giới tính
Gender: Nam
Male

Ngày tháng năm sinh:
Date of birth 26/12/1961

Nơi sinh:
Place of birth Hàn Quốc
Korea

CMND/Hộ chiếu:
Passport JR3622629 - Cấp ngày 30/05/2007 - Tại Bộ Ngoại Giao Hàn Quốc

Quốc tịch:
Nationality Hàn Quốc
Korea

Địa chỉ thường trú:
Permanent residence Shinsigaji Apt.224-603 Mok-Dong, Yang Chun –Gu, Seoul, South Korea

Trình độ chuyên môn:
Professional skill Kỹ sư điện, Cử nhân Quản lý doanh nghiệp – Đại học Yonsei

Quá trình công tác:
Working experience 1990 đến nay: Tập đoàn E-land (Hàn Quốc)
1990 – Present: E-land Group (Korea)

b. Phó Tổng giám đốc/*Deputy General Director*

Họ và tên:
Full name **KIM JUNG HEON**

Giới tính:
Gender Nam
Male

Ngày tháng năm sinh:
Date of birth 01/12/1966

Nơi sinh:
Place of birth Hàn Quốc
Korea

CMND/Hộ chiếu:
Passport 7068490 - Cấp ngày 04/11/2006 - Tại Hàn Quốc

Quốc tịch:
Nationality Hàn Quốc
Korea

Địa chỉ thường trú:
Permanent residence A2-705 Cantavil, Phường An Phú, Quận 2, Tp.HCM, VN
A2-705 Cantavil, An Phu ward, Dist. 2, HCM city, Vietnam

Trình độ chuyên môn:
Professional skill Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư kinh tế nông nghiệp – Đại học Korea

Quá trình công tác:
Working experience 1995 – 2001: Công ty E-Land World
2003 – 2009: Công ty E-Land Việt Nam

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Current position in other organization Tổng giám đốc E-Land Việt Nam
General Director of E-land Vietnam

1.3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tháng 4/2009 đã phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc mới của Công ty: Ông Lee Eun Hong.

Changing the General Director: on GSM Apr, 2009, the GSM had approval on new General Director- Mr Lee Eun Hong.

1.4. Quyền lợi của Tổng Giám Đốc:

Benefit of the General Director

- Lương (net) : 7.000 USD/tháng
- *Salary (net): 7,000 USD/month*
- Tiền thưởng : tiền lương tháng 13, thưởng các dịp Lễ như các CNV khác.
- *Bonus: the 13th month salary, bonus on Holidays as other employees.*
- Nghỉ phép năm : 30 ngày/năm
- *Annual leave: 30 days/year*
- Chế độ khác : Công ty thanh toán chi phí vé máy bay khứ hồi từ TP.HCM về Hàn Quốc nghỉ phép 2 lần/năm.
- *Other benefit: expenses of air ticket from HCM city – Korea (return) 2 times/year.*

1.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Number of employee and policies with employee

a. Số lượng cán bộ, nhân viên: 4.147 người

Number of employee: 4,147

b. Các chính sách đối với người lao động/*Welfare with employee:*

- Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật lao động , Luật BHXH , như : học nghề, hợp đồng lao động , thời giờ làm việc và nghỉ ngơi , nghỉ Lễ , phép, việc riêng ; trả lương làm thêm giờ , phụ cấp ca đêm ; các chế độ BHXH, BHYT ; kỷ luật lao động , chính sách đối với lao động nữ , an toàn – bảo hộ lao động,...
- *Implement welfare for employee under the Labor Code, Law on social insurance, such as: training, labor contracts, working time and rest, Holidays, leave, overtime, night shift allowances and other social regulations, health insurance, discipline, policies for women workers, security - labor protection, ...*
- Các chế độ phúc lợi khác :
 - + Thưởng vào các dịp Lễ, tháng lương thứ 13, thưởng thành tích cuối năm.
 - + Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ.
 - + Khám sức khoẻ định kỳ hàng năm ; khám phụ khoa , khám bệnh nghề nghiệp hàng năm.
 - + Đồng phục và BHLĐ (cho CNV trực tiếp sản xuất).
 - + Các khoản trợ cấp: Trợ cấp khó khăn đột xuất; Cấp học bổng cho con CBCNV; Trợ cấp cho nữ CBCNV gửi con nhà trẻ; Trợ cấp tang chế; Tặng quà cho con CBCNV nhân ngày 1/6; Tặng quà cho CNV kết hôn; Nghỉ mát cho CBCNV hàng năm bằng hình thức cấp kinh phí; Xe đưa rước công nhân đi làm việc
- *Other welfare:*
 - + *Bonus on the holidays, the 13th month salary, performance bonus end of year.*
 - + *Material allowance.*
 - + *Periodical health examination, woman-checking disease and occupational diseases every year.*
 - + *Uniforms and labor protection (for worker).*

- + *Some allowances: incase unexpected difficulties; scholarships for children of employees; benefits for female employees to send children in kindergarten; funeral allowance; Giving presents on International Children Day; Giving gifts on marriage of employee; annually vacation; take worker go to work by car.*

1.6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

Changing member of BoM, BoD, IC, Chief Accountant

a. Tháng 4/2009, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Phan Thị Huệ, đồng thời bầu bổ sung 4 (bốn) thành viên: Lee Eun Hong, Kim Jung Heon, Kim Woo Seop, Trần Đình Lâm vào HĐQT, tổng cộng HĐQT có 7 (bảy) thành viên. Ông Kim Jung Heon cũng được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT thay ông Đặng Triệu Hòa.

On Apr, 2009, the GSM had approved to resign Mrs Phan Thi Hue from BoM's member and additional election 4 (four) BoM's members: Lee Eun Hong, Kim Jung Heon, Kim Woo Seop, Tran Dinh Lam. Total number of BoM's member is 7 (seven). Mr Kim Jung Heon was also nominated as a Vice Chairman, instead Mr Dang Trieu Hoa.

b. Tháng 6/2009, Công ty miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Quốc Khánh, ông Nguyễn Chí Trực và bà Phan Thị Huệ.

On June, 2009, Company had dismissed Mr Nguyen Quoc Khanh, Mr Nguyen Chi Truc, Mrs Phan Thi Hue from Deputy General Director position.

c. Tháng 6/2009, miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Mai Văn Sáu, bổ nhiệm bà Phạm Thị Thanh Thủy giữ chức vụ Quyền Kế toán trưởng. Tháng 7/2009, bổ nhiệm ông Nguyễn Thịnh Trọng giữ chức vụ Kế toán trưởng, bà Phạm Thị Thanh Thủy thôi giữ chức vụ Quyền Kế toán trưởng. Tháng 2/2010, miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Thịnh Trọng, bổ nhiệm bà Nguyễn Minh Hào giữ chức vụ Kế toán trưởng.

On June 2009, dismissed Mr. Mai Van Sau from the Chief Accountant position, appointed Ms. Pham Thi Thanh Thuy hold the Acting Chief accountant. On July 2009, appointed Mr Trong Thinh as the Chief Accountant, Ms. Pham Thi Thanh Thuy stop holding Acting Chief Accountant. On February 2010, dismissed Mr Nguyen Trong Thinh from the Chief Accountant, Ms Nguyen Minh Hao has appointed as the Chief Accountant.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY/Shareholder information and corporate governance

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát/BoM and IC:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát/Member and structure of BoM, IC

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT/Incase of BoM:

Stt No.	HỌ TÊN Full name	CHỨC VỤ Position	Ghi chú Note
1	Ông Đinh Công Hùng	Chủ tịch Chairman	Thành viên độc lập không điều hành Non-executive member
2	Ông Kim Jung Heon	Phó Chủ tịch Vice Chairman	Phó Tổng giám đốc Deputy General Director
3	Ông Lee Eun Hong	Thành viên Member	Tổng giám đốc General Director
4	Ông Mai Văn Sáu	Thành viên Member	Thành viên độc lập không điều hành Non-executive member
5	Ông Đặng Triệu Hòa	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

		<i>Member</i>	<i>Non-executive member</i>
6	Ông Kim Woo Seop	Thành viên <i>Member</i>	Thành viên độc lập không điều hành <i>Non-executive member</i>
7	Ông Trần Đình Lâm	Thành viên <i>Member</i>	Thành viên độc lập không điều hành <i>Non-executive member</i>
8	Bà Phan Thị Huệ	Thành viên <i>Member</i>	Miễn nhiệm tháng 4/2009 <i>Resigned on Apr, 2009</i>

b. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Incase of IC*

Stt No.	HỌ TÊN <i>Full name</i>	CHỨC VỤ <i>Position</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng Ban <i>Chief of IC</i>	Thành viên độc lập không điều hành <i>Non-executive member.</i>
2	Bà Đinh Thị Thu Hằng	Thành viên <i>Member</i>	Trưởng Phòng Cung ứng; Chủ tịch Công đoàn Công ty <i>Purchasing Manager; President of Trade Union.</i>
3	Bà Bùi Thị Lệ Dung	Thành viên <i>Member</i>	Thành viên độc lập không điều hành <i>Non-executive member.</i>

1.2. Hoạt động của HĐQT/*BoM's activities*

HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tuân thủ đúng qui định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện Nghị quyết bằng văn bản hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng email.

The BoM execute their function, obligation according to the laws, Company Charter and GSM's Resolution. The BoM decide issues by voting in meetings or make Resolution by written of voting by email.

Trong năm 2009, HĐQT đã họp ít nhất 1 lần/quý và lấy ý kiến qua email trong một số trường hợp khẩn hoặc xét thấy không cần thiết phải tổ chức cuộc họp. Cụ thể như sau:

In the year 2009, the BoM had meeting at least 1 time/quarter and getting opinion by email incase of urgent or unnecessary to have a meeting. Including:

STT No.	Thời gian <i>Time</i>	NỘI DUNG <i>Content</i>	GHI CHÚ <i>Note</i>
1	Tháng 3/2009 <i>Mar, 2009</i>	Phát hành riêng lẻ cp TCM cho Eland <i>Separate issuance TCM share for E-land</i>	
		Thông qua chương trình, tài liệu chuẩn bị ĐHCĐ 2009 <i>Approval on agenda, documents for GSM 2009</i>	
		Đồng ý sửa đổi Điều lệ theo nội dung Eland yêu cầu <i>Agreed to amend Charter according to E-land's request</i>	
		Thông qua đề nghị ĐHCĐ gia hạn việc phát hành riêng lẻ đến 30/4/2010 <i>Approval on extend the time of separate issuance till Apr 3th, 2010.</i>	

2	Ngày 21/4/2009 <i>Apr 21st, 2009</i>	Thông qua cách thức đề cử ứng viên HĐQT tại ĐHCĐ thường niên 2009 <i>Approval on the way to nominate BoM's candidate in GSM 2009</i>	
3	Ngày 25/4/2009 <i>Apr 25th, 2009</i>	Bổ nhiệm TGD Lee Eun Hong <i>Appointed the General Director- Mr Lee Eun Hong</i>	Nghị quyết văn bản <i>Resolution by written</i>
		Bầu Phó CT HĐQT <i>Election of Vice Chairman</i>	Nghị quyết văn bản <i>Resolution by written</i>
4	Ngày 29/4/2009 <i>Apr 4th, 2009</i>	Cơ cấu tổ chức mới do TGD đề xuất <i>New structure of Company by GD's proposal</i>	
5	Tháng 5/2009 <i>May, 2009</i>	Thời điểm phát hành riêng lẻ cho E-land <i>Time of separate issuance for E-land</i>	
		Ủy quyền CT HĐQT quyết định PA làm tròn số lẻ cho 12% cp thường <i>Authorize the Chairman decide to round odd number of 12% bonus share.</i>	
		Chấp thuận sơ đồ tổ chức do TGD đề xuất Chọn A&C làm cty kiểm toán trong năm 2009 <i>Approved organization chart by GD's approval Select A&C as audit company in the year 2009</i>	
6	Tháng 6/2009 <i>Jun, 2009</i>	Bổ nhiệm nhân sự và mức lương các vị trí quản lý <i>Appointment and salary level of managers</i>	
		Về mức lương của CEO & COO <i>Salary level of CEO & COO</i>	Lấy ý kiến qua email <i>Voting by email</i>
7	Ngày 12/8/2009 <i>Aug 12th, 2009</i>	Thông qua kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2009, kế hoạch 6 tháng cuối 2009. <i>Approval on 1st half performance and 2nd half plan in 2009</i>	
8	Ngày 22/10/2009 <i>Oct 22nd, 2009</i>	Thông qua kết quả hoạt động quý 3/2009, dự kiến quý 4/2009, kế hoạch 2010. <i>Approval on 3rd quarter performance, estimation 4th quarter and 2010 plan</i>	

1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành/*Activities of non-executive BoM's member*

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham gia hoạt động HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT hoặc gửi ý kiến biểu quyết qua email.

Non-executive BoM's member take part in BoM's activities through BoM's Meetings or send Voting opinion via email.

1.4. Hoạt động của Ban kiểm soát/*IC's activities*

- Hoạt động năm 2009: Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý điều hành Công ty thông qua các cuộc họp. BKS họp định kỳ 1lần/quý và thường xuyên trao đổi thông tin qua điện thoại, email. BKS thực hiện quyền, nhiệm vụ của mình căn cứ qui định Điều lệ Công ty, qui định pháp luật.

- *Activities in 2009: The IC execute the supervision of BoM, General Director in management of Company through the meetings. IC regular meetings 1 time/quarter and often exchange information via phone, email. IC to implement their rights, mission according to Company charter, the laws.*
- Kế hoạch hoạt động năm 2010 của Ban Kiểm soát: Tiếp tục thực hiện các hoạt động như các năm vừa qua, nhưng từ năm 2010 do tình hình quản lý công nợ có các khoản nợ còn kéo dài chưa được xử lý, nên Ban Kiểm soát đặt trọng tâm mỗi quý sẽ tổ chức kiểm tra tình hình công nợ, nhằm phối hợp với phòng kế toán có hướng đề xuất xử lý với Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị.
- *IC's Plan in 2010: Continue to implement activities same as in recent years, however from 2010 due to debt has also extended and not yet settle, IC will focus inspect the debt status every quarter, to coordinate with the accounting department to propose proper treatment with General Director and BoM.*

1.5. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Plan to increase efficiency in corporate governance operation*

- Tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty do UBCK tổ chức nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức quản trị công ty niêm yết đối với thành viên HĐQT, cán bộ quản lý của Công ty.
- *Attend the training course about corporate governance which is celebrated by SSC to update and improve governance knowledge of BoM's members, Managers especially for listed company.*
- Định kỳ HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý để kiểm tra tình hình hoạt động Công ty.
- *Regular BoM's Meeting at least once a quarter for checking the Company activities*
- Xem xét, rà soát Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo qui định pháp luật hiện hành.
- *Consider, review Company governance regulation according to current laws.*

1.6. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành/*Compensation, other benefits and expenses for each member of BoM, IC and of General Director*

a. HĐQT/BoM:

Stt No.	HỌ TÊN Full name	CHỨC VỤ Position	4 tháng đầu năm 2009 <i>The first 4 month of 2009</i>	8 tháng cuối năm 2009 <i>The 8 months of late 2009</i>	Cả năm 2009 <i>Whole 2009</i>	Ghi chú Note
1	Ông Đinh Công Hùng	Chủ tịch <i>Chairman</i>	51.672.000	113.032.500	164.704.500	
2	Ông Mai Văn Sáu	Thành viên <i>Member</i>	25.836.000	56.516.250	82.352.250	
3	Ông Đặng Triệu Hòa	Thành viên <i>Member</i>	25.836.000	56.516.250	82.352.250	
4	Bà Phan Thị Huệ	Thành viên <i>Member</i>	25.836.000		25.836.000	Miễn nhiệm tháng 4/2009

					<i>Resigned on Apr 2009</i>
5	Ông Lee Eun Hong	Thành viên <i>Member</i>	56.516.250	56.516.250	Bổ nhiệm tháng 4/2009 <i>Appointed on Apr 2009</i>
6	Ông Kim Jung Heon	Thành viên <i>Member</i>	56.516.250	56.516.250	Nt <i>Same above</i>
7	Ông Kim Woo Seop	Thành viên <i>Member</i>	56.516.250	56.516.250	Nt <i>Same above</i>
8	Ông Trần Đình Lâm	Thành viên <i>Member</i>	56.516.250	56.516.250	Nt <i>Same above</i>
CỘNG			129.180.000	452.130.000	581.310.000

b. Ban KS/IC :

Stt <i>No.</i>	HỌ TÊN <i>Full name</i>	CHỨC VỤ <i>Position</i>	Cả năm 2009 <i>Whole 2009</i>
1	Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng Ban <i>Chief of IC</i>	36.000.000
2	Bà Đinh Thị Thu Hằng	Thành viên <i>Member</i>	27.000.000
3	Bà Bùi Thị Lệ Dung	Thành viên <i>Member</i>	27.000.000
TỔNG CỘNG			90.000.000

c. TGD/*General Director*:

- Tiền lương 7 tháng 2009/*Salary of 7 months of 2009* : 871.220.000 đồng
- Tiền thưởng/ *Bonus* : 52.313.819 đồng
- CỘNG/Total** : 923.533.819 đồng

1.7. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không

Number of BoM's member, of IC, of BoD have Certificate of corporate governance: None

1.8. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT
The share holding rate and changing the rate of BoM's members

Stt <i>No.</i>	HỌ TÊN <i>Full name</i>	CHỨC VỤ <i>Position</i>	Số lượng cổ phần <i>Share amount</i>	Tỷ lệ % <i>Percentage</i>
1	Ông Đinh Công Hùng	Chủ tịch <i>Chairman</i>	100.629	0,23
2	Ông Kim Jung Heon	Phó Chủ tịch <i>Vice Chairman</i>	0	0

3	Ông Lee Eun Hong	Thành viên <i>Member</i>	0	0
4	Ông Mai Văn Sáu	Thành viên <i>Member</i>	8.000	0,01
5	Ông Đặng Triệu Hòa	Thành viên <i>Member</i>	24.259	0,06
6	Ông Trần Đình Lâm	Thành viên <i>Member</i>	0	0
7	Ông Kim Woo Seop	Thành viên <i>Member</i>	0	0
Tổng cộng/Total			132.888	0,3

1.9. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Information about share trading of BoM's members, BoD, IC and their related people

- Từ ngày 4 đến ngày 9/11/2009, Chủ tịch HĐQT- ông Đinh Văn Hùng (Đinh Công Hùng) đã bán 250.000 cp TCM, số lượng cp còn lại sau khi giao dịch là 496.499 cp.
- *From Nov 4th to 9th, 2009, Chairman-Mr Dinh Van Hung (Dinh Cong Hung) sold 250,000 TCM shares, the balance after trading was 496,499 shares.*
- Từ ngày 18/11 đến ngày 04/12/2009, Chủ tịch HĐQT- ông Đinh Văn Hùng (Đinh Công Hùng) đã bán 396.499 cp TCM, số lượng cp còn lại sau khi giao dịch là 100.000 cp.
- *From Nov 18th to Dec 4th, 2009, Chairman-Mr Dinh Van Hung (Dinh Cong Hung) sold 396,499 TCM shares, the balance after trading was 100,000 shares.*
- Từ ngày 28/12/2009 đến ngày 28/02/2010, Thành viên HĐQT- ông Mai Văn Sáu đã bán 4.040 cp TCM, số lượng cp còn lại sau khi giao dịch là 8.000 cp.
- *From Dec 28th, 2009 to Feb 28th, 2010, BoM's member- Mr Mai Van Sau sold 4,040 TCM shares, the balance after trading was 8,000 shares*
- Từ ngày 15/12/2009 đến ngày 23/02/2010, Tổ chức có liên quan đến thành viên HĐQT- ông Kim Jung Heon (Công ty TNHH E-land Việt Nam) đã mua 150.000 cp TCM, số lượng cp sau khi giao dịch là 150.000 cp.
- *From Dec 15th, 2009 to Feb 23th, 2010, related organization of BoM's member- Mr Kim Jung Heon (E-land Vietnam Ltd., Company) bought 150,000 TCM shares, the amount after trading was 150,000 shares.*

1.10. Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có.

Information about contract, transation signed with company of BoM's members, BoD, IC and their related people: None

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/*Shareholder statistics*

2.1. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 24/02/2010 bao gồm:

Stt No.	Tiêu chí <i>Items</i>	SL cổ phần <i>Share amount</i>	Tỷ lệ % <i>Percentage</i>
1	Trong nước - <i>Domestic</i>		
1.1	Cá nhân - <i>Individual</i>	18,048,702	41.55%
1.2	Tổ chức - <i>Organization</i>	7,299,787	16.81%
2	Nước ngoài - <i>Foreign</i>		
2.1	Cá nhân - <i>Individual</i>	135,219	0.31%
2.2	Tổ chức - <i>Organization</i>	17,954,535	41.33%
2.3	Phân loại cổ đông nước ngoài theo quốc tịch <i>Classify foreign shareholder according to nationality</i>		
a.	American Samoa	11,206	0.03%
b.	Belgium	2,127	0.00%
c.	Canada	56,468	0.13%
d.	Cayman Islands	1,001,334	2.31%
e.	Germany	224	0.0005%
f.	Hong Kong	9,520	0.02%
g.	Japan	52,520	0.12%
h.	Korea	430,919	0.99%
i.	Taiwan	160,494	0.37%
j.	Singapore	16,364,942	37.67%

2.2. Cổ đông Nhà nước- *State shareholders*

Tên- <i>Name</i>	SL sở hữu theo GDKKD- <i>Under Business license</i>		SL sở hữu theo DS chốt ngày 24/02/2010 của VSD- <i>Under closing book of VSD on 24/2/2010</i>		Địa chỉ , Ngành nghề kinh doanh <i>Address, Business scope</i>
	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Tỷ lệ %	
Tập đoàn dệt may Việt Nam- <i>Viet Nam textile and Garment group</i>	6.400.000	14,73	5.085.800	11,71	39-41 Bến Chương Dương, Q.1, TP.Hồ Chí Minh; SX-KD (Đa ngành nghề)

2.3. Cổ đông sáng lập-*Founding shareholder*

SL sở hữu theo DS Địa chỉ , Ngành

Tên-Name	SL sở hữu theo GĐKKD- Under Business license		chốt ngày 24/02/2010 của VSD-Under closing book of VSD on 24/2/2010		nghề kinh doanh Address, Business scope
	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Tỷ lệ %	
Tập đoàn dệt may Việt Nam- Viet Nam textile and Garment group	6.400.000	14,73	5.085.800	11,71	39-41 Bến Chương Dương,Q.1, TP.Hồ Chí Minh; SX-KD (Đa ngành nghề)
Công ty TNHH thương mại Dịch vụ sản xuất kinh doanh nhà Phụng Hoàng - <i>Phung Hoang production service and trading limited Company</i>	670.000	1,54	0	0	167 Trương Vĩnh Ký, P.Tân thành, Q.TP Thương Mại DV
Công ty TNHH thương mại sản xuất Tân Viễn Đông – <i>Tan Vien Dong Commercial Production Limited Company</i>	250.000	0,58	0	0	58c An Dương Vương, P.16, Q.8, TP.HCM Thương Mại DV
Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ- <i>Soi The Ky joint stock company</i>	833.333	1,92	933.332	2,15	Khu B1-1 KCN Tây Bắc Huyện Củ CHI SXKD Sợi
Công ty TNHH thương mại dịch vụ và sản xuất Tân Châu - <i>Tan Chau Commercial Service and Production Limited Company</i>	150.000	0,35	169.400	0,39	217 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM Thương Mại DV
Công ty TNHH thương mại Hùng Xương - <i>Hung Xuong trading limited Company</i>	100.000	0,23	72.000	0,17	133/11 Đường số 8, Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân Thương Mại DV
Công ty TNHH Minh Hòa – <i>Minh Hoa Limited Company</i>	2.700	0,001	3.024	0,001	79/3/5 Phan Kế Bính, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM Thương Mại DV
Các cổ đông khác- <i>Other shareholders</i>	35.032.210	80,65	37.174.687	85,58	
Cộng-Total	43.438.243	100	43.438.243	100	

2.4. Cổ đông nước ngoài-*Foreign shareholder* :

Tên-Name	Số lượng CP-Volume of share	Tỷ lệ % (percentage)	Địa chỉ , Ngành nghề kinh doanh Address, Business scope
Công ty E-LAND ASIA HOLDING PTE.LTD	16.364.942	37,67	3 Church Street #08-01, Samsung Hub, Singapore 049483

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/*On behalf of BoM*
CHỦ TỊCH/*Chairman*